

Bản án số: **219/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2018

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ NAM HOA**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **NGUYỄN VĂN BẠN**

Bà **VÕ THỊ BÒI**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*

Bà **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH** - Thư

ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*

Bà **NGUYỄN THỊ HUYỀN** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1200/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc “*Ly hôn*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2018/QĐST - HNGĐ ngày 19/11/2018; giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị M** - Sinh năm 1986

* **Bị đơn:** Ông **Lê Công T** - Sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Tổ 7, phường N, Tp. Nha Trang

Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông T vắng tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Thị M trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải:

Tôi và anh Lê Công T tự nguyện năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường L1, Tp. Nha Trang. Quá trình chung sống giữa chúng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm nên hay cãi vã, cuộc sống chung nặng nề không hạnh phúc nên tôi xin được ly hôn với anh Thành.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Lê Minh T - SN: 13/3/2009 và Lê Tuấn T - SN: 27/10/2011. Trường hợp Tòa án cho ly hôn tôi xin nuôi 02 con. Không yêu cầu anh T đóng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Công T trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải: Tôi không đồng ý với lời trình bày của cô M. Cô M xin ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Lê Minh T - SN: 13/3/2009 và Lê Tuấn T - SN: 27/10/2011. Trường hợp Tòa án cho ly hôn tôi xin nuôi 02 con. Không yêu cầu cô M đóng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi thống nhất với cô Minh về việc nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp theo yêu cầu của bà Phạm Thị M được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Lê Công T hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án đã làm các thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và đã hoãn phiên Tòa lần thứ nhất do ông T vắng mặt. Tại phiên Tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân Tp. Nha Trang căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị M và ông Lê Công T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường L1, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà Phạm Thị M xin ly hôn, ông Lê Công T xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua lời trình bày của bà M cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, đời sống hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà M là

chính đáng có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị M và ông Lê Công T có 02 con chung Lê Minh T - SN: 13/3/2009 và Lê Tuấn T - SN: 27/10/2011. Sau ly hôn bà M và ông T đều có yêu cầu xin được nuôi con. Xét thấy điều kiện nuôi dưỡng của bà M và ông T đều như nhau, ngoài lời trình bày không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho tình trạng kinh tế của bản thân. Tuy nhiên, theo lời khai của hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bà M. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà M nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà M không yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị M và ông Lê Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Phạm Thị M phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009881 ngày 16/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị M được ly hôn ông Lê Công T.

2. Giao hai con chung tên Lê Minh T - SN: 13/3/2009 và Lê Tuấn T - SN: 27/10/2011 cho bà Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị M và ông Lê Công T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Phạm Thị M phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009881 ngày 16/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND phường L1, Nha Trang (số 67/2008);
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ NAM HOA